

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày: 21-5-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sanh

2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2020, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 129/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần B** - Trụ sở: KCN Y, phường T, thành phố K, tỉnh Quảng Nam – Địa chỉ liên lạc: Đường S, phường I, quận L, thành phố Đà Nẵng – Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị O - Sinh năm: 19xx – Chức vụ: Phó phòng kế toán (Giấy ủy quyền số 03/UQ-HCC-TGD ngày 05/02/2020). Có mặt.

* *Bị đơn:* **Tổng công ty P** - Trụ sở: Đường Q, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội – Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Việt N – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Vắng mặt không có lý do.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Huy H** – Địa chỉ: Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty Cổ phần B trình bày:*

Vào ngày 15/4/2016, Công ty Cổ phần B và Xí nghiệp E Chi nhánh Tổng công ty P (giám đốc Xí nghiệp là ông Lê Huy H) đã ký kết Hợp đồng mua bán số 39/2016/HĐMB. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Xí nghiệp E đồng ý mua và Công ty Cổ phần B đồng ý cung cấp bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm cho công trình Dự án Cầu dẫn Sân bay Đà Nẵng, thuộc địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo chủng loại, số lượng và đơn giá được ghi nhận trong hợp đồng; giao hàng tại Sân bay Đà Nẵng; hình thức thanh toán bằng chuyển khoản; về phương thức thanh toán, hai bên thỏa thuận: Vào ngày 15 và ngày cuối mỗi tháng, căn cứ và bản xác nhận khối lượng bê tông của từng đợt cấp của bên mua tại công trường, bên bán tổng hợp và xuất hóa đơn GTGT gửi bên mua. Trong 15 ngày tiếp theo, bên mua có trách nhiệm thanh toán dứt điểm tiền bê tông theo hóa đơn GTGT cho bên bán.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần B đã cung cấp bê tông cho Xí nghiệp E tại chân công trình theo từng đợt với khối lượng và chất lượng đúng theo yêu cầu cũng như xuất hóa đơn tài chính cho Xí nghiệp E tương ứng với giá trị từng đợt giao hàng. Tuy nhiên, Xí nghiệp E chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền đầy đủ cho Công ty Cổ phần B như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018, Xí nghiệp E xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần B số tiền tính đến ngày 30/9/2018 là 757.250.000 đồng. Công ty Cổ phần B đã nhiều lần làm việc với Xí nghiệp E và cơ quan chủ quản của Xí nghiệp E là Tổng công ty P để yêu cầu thanh toán dứt điểm nhưng Xí nghiệp E cũng như Tổng công ty P vẫn không thực hiện vì lý do làm ăn thua lỗ.

Do đó, Công ty Cổ phần B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Tổng công ty P (là đơn vị chủ quản của Xí nghiệp E) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B tổng số tiền là 836.761.250 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 757.250.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/10/2018 đến cuối tháng 11/2019 theo mức lãi suất 9%/năm là 79.511.250 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Tổng công ty P và ông Lê Huy H tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng Tổng công ty P và ông Lê Huy H đều vắng mặt và không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Công ty Cổ phần B và Tổng công ty P là tranh chấp hợp đồng mua bán; nơi thực hiện hợp đồng tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Bị đơn là Tổng công ty P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Huy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Tổng công ty P và ông Lê Huy H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng mua bán số 39/2016/HĐMB: Ngày 15/4/2016, Công ty Cổ phần B và Xí nghiệp E Chi nhánh Tổng công ty P ký Hợp đồng mua bán số 39/2016/HĐMB, nội dung là mua bán bê tông thương phẩm và cung cấp dịch vụ bơm cho công trình Dự án Cầu dẫn Sân bay Đà Nẵng. Nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng: Các bên tiến hành mua bán, giao nhận hàng theo cam kết. Công ty Cổ phần B và Xí nghiệp E đã tiến hành đối chiếu công nợ từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018. Theo đó, Xí nghiệp E xác nhận đến ngày 30/9/2018 còn nợ Công ty Cổ phần B số tiền là 757.250.000 đồng. Từ đó đến nay, Công ty Cổ phần B đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu Xí nghiệp E cũng như cơ quan chủ quản của Xí nghiệp E là Tổng công ty P thanh toán dứt điểm nhưng Xí nghiệp E và Tổng công ty P vẫn không thực hiện.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B về việc thanh toán nợ gốc: Việc Xí nghiệp E thuộc Tổng công ty P không trả nợ cho Công ty Cổ phần B là vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng đã ký giữa các bên. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Tổng công ty P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B số tiền hàng còn nợ là 757.250.000 đồng là có cơ sở.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty Cổ phần B : Công ty Cổ phần B yêu cầu Tổng công ty P phải trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/10/2018 đến cuối tháng 11/2019 theo mức lãi suất 9%/năm là 79.511.250 đồng. Tòa án xét thấy mức lãi suất này bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Do đó, yêu cầu trả lãi của Công ty Cổ phần B là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc Tổng công ty P phải trả cho Công ty Cổ phần B số tiền lãi do chậm thanh toán là 79.511.250 đồng.

[2.5] Như vậy, tổng cộng số tiền mà Tổng công ty P phải trả cho Công ty Cổ phần B là 836.761.250 đồng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là Tổng công ty P phải chịu án phí kinh doanh và thương mại sơ thẩm là 37.102.837 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 50, 306 của Luật Thương mại; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B đối với Tổng công ty P.

Xử:

1. Buộc Tổng công ty P phải trả cho Công ty Cổ phần B tổng số tiền là 836.761.250 đồng (*bằng chữ: Tám trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 757.250.000 đồng và tiền lãi là 79.511.250 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh và thương mại sơ thẩm là 37.102.837 đồng Tổng công ty P phải chịu.

- Công ty Cổ phần B không phải chịu án phí kinh doanh và thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.551.418 đồng theo biên lai thu số 0008783 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Tổng công ty P và ông Lê Huy H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Thảo